

## Sài Gòn Xưa Dưới Ngòi Bút Nhà Văn Hồ Biểu Chánh

Trần Vĩnh An

Hồ Biểu Chánh (1885-1958) là một trong những nhà văn nổi tiếng hàng đầu ở miền Nam. Các tác phẩm của ông đã được phổ biến rộng rãi, trở thành món ăn tinh thần quen thuộc đối với đông đảo quần chúng trong suốt một thời kỳ dài ở vùng đất phương Nam. Ông viết văn liên tục suốt nửa thế kỷ, từ 1909 đến 1958, để lại một sự nghiệp đồ sộ và đa dạng với 64 tiểu thuyết, 10 tập truyện ngắn, 200 bài thơ, 12 tuồng hát và nhiều tác phẩm khảo cứu. Công lớn của Hồ Biểu Chánh là đưa tiểu thuyết mới ở miền Nam hồi đầu thế kỷ XX từ tình trạng phôi thai tiến đến mức hoàn chỉnh hơn, có kết cấu đầy đủ của một tác phẩm văn học.

Văn của Hồ Biểu Chánh rất mộc mạc, hồn nhiên, thật thà như ngôn ngữ, như cách sống của người dân thường. Những tình huống, những tính cách của nhân vật cũng rất gần gũi và quen thuộc với quần chúng. Chính vì thế mà người dân lao động, tầng lớp trung lưu và kể cả một số trí thức đều say mê các tác phẩm „nôm na“, „quê mùa“ của ông. Toàn bộ sự nghiệp văn chương của ông là một bức tranh truyền thần khá chính xác về xã hội miền Nam trong một giai đoạn lịch sử đã qua.

Về nội dung tư tưởng, tuy có một số mặt hạn chế về quan điểm do hoàn cảnh lịch sử, các truyện của Hồ Biểu Chánh đều hàm ẩn tính nhân bản: đề cao cái thiện, ca ngợi các giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc như lòng chung thủy, lòng nhân hậu, tính khoan dung, trọng nghĩa khinh tài. Đặc biệt, ông dành lòng ưu ái và thông cảm sâu sắc đối với người dân lao động, nhất là nông dân, vì hiểu rõ được bản chất thuần phác tốt đẹp của họ.

Trong các tiểu thuyết của mình, Hồ Biểu Chánh lấy bối cảnh nhiều nhất là ở Sài Gòn. Ngay trong các câu chuyện xảy ra ở lục tỉnh, hầu như các nhân vật đều có dịp lên Sài Gòn để buôn bán, làm ăn, thăm người quen, học sinh, vui chơi, giải trí.

Đọc lại các tác phẩm của ông, chúng ta thấy dù đã qua hàng chục năm đổi thay, Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh ngày nay vẫn còn giữ được những dáng dấp rất riêng, rất đặc trưng của vùng „đất lành chim đậu“ phương Nam, nơi hội tụ sức mạnh sáng tạo và năng động từ mọi miền đất nước.

Đất Sài Gòn hai mùa mưa nắng. Cái nắng ở đây hùng hực nhưng không quá khó chịu, ngược lại nó như phủ thêm vào ý chí làm ăn của người dân nơi đây chất lửa mãnh liệt. Khoảng 70 năm về trước dưới mắt Hồ Biểu Chánh, Sài Gòn đã thế rồi: „Ban ngày, hễ mặt nhật lên cao thì chói nắng nóng như đổ lửa làm cho cỏ cây khô héo, con người nực hầm. Trong chốn đồng áng, nhờ ngọn gió chướng đẩy đưa phá tan hơi nóng, người ta được hưởng mát mẻ ít nhiều, chớ ở tại thủ đô Sài Gòn hay ở vùng ngoại ô cũng vậy, ngồi trong nhà như ngồi giữa lò, đi ngoài đường như đi dưới ngọn lửa. Tuy vậy mà nắng nóng không đủ oai thế làm cho con người kiêng nể, khiếp sợ đâu. Nắng nóng mặc nắng, đi làm vẫn cứ đi. Hôm ấy, vừa tảng sáng, trên đường quan lộ nằm ngang qua xóm Chí Hòa, người ta đi dập diu, tốp bảy tốp ba, người ngồi xe, kẻ đi bộ, nối đuôi nhau đổ xuống Sài Gòn đặng mưu cầu danh, hoặc làm công làm thợ“. (Bơ vơ, viết năm 1936, xuất bản 1954)

đó, đường phố Sài Gòn người xe đã nhộn nhịp như mắc cửi, xe cộ nhiều tất có ách tắc giao thông. Nhận xét của nhà văn khi ấy cũng hoàn toàn đúng với hoàn cảnh bấy giờ: „Buổi sớm mai, trong thủ đô Sài Gòn cũng như trong vùng ngoại ô Bà Chiểu - Ngã Năm, sự hoạt động của dân cư tạo thành một quang cảnh náo nhiệt cực điểm. Trên các nẻo đường, người đi bộ đã dập dìu đông đảo, lại còn thêm xe hơi, xe ngựa, xe kéo, xe đạp, tấp qua tấp lại không ngừng. Vì vậy nên sự rủi ro đụng chạm xảy ra thường thường, dầu người ta đã có áp dụng nhiều phương pháp để ngăn ngừa tai họa, nhưng cũng không thể chấm dứt tai họa nổi“. (Bơ vơ)

Hôm nay, TP. Hồ Chí Minh là một trung tâm văn hóa - xã hội - chính trị lớn của đất nước. Vị trí ấy đã được người Sài Gòn cất công tạo dựng từ những năm xưa để song hành cùng Hà Nội. Chúng ta cùng nhà văn dạo qua các tụ điểm giải trí của Sài Gòn hồi đầu thế kỷ XX thì thấy rõ. Trước tiên là một phiên hội chợ đêm: „Cuộc chợ đêm Sài Gòn đã mở cửa bữa trước rồi, mà tới bữa sau mới 7 giờ, mấy nẻo đường vòng theo chợ thiên hạ nườm nượp, kẻ ngồi xe, người thả bộ, đổ về mấy cửa, riu riu như bị gió đùa, cuộn cuộn như dòng nước chảy. Tại các cửa lớn, người ta tụ lại chật nít, trai chải đầu láng mượt, gái thoa môi đỏ lôm, già ngậm thuốc điếu phì phà, khói bay tung bồng. Mẹ dắt bầy con, đứa chạy trước nghênh ngang, đứa theo sau núc ních, kêu nhau inh ỏi. Tốp chen lấn mua giấy, tốp ùng ùng vô cửa, người mặc y phục đàng hoàng chung lộn với kẻ bình dân lao động không ai ngại chi hết, mà coi ra thì trên gương mặt mỗi người đều có vẻ hân hoan hơn hởi, vì ai cũng biết chắc trong giây phút nữa đây sẽ được xem thấy nhiều cuộc vui để thỏa chí háo kỳ, hoặc để tạm quên các sự cực khổ của loài người trên trần thế“. (Từ hôn, 1937)

Tiếp theo, lại cùng nhà văn tới sân vận động xem đánh quần vợt và bóng đá: „Thầy Pháp rủ thầy Ký mua giấy (Thầy Phát rủ thầy. BBT ) vô coi luôn hai bữa, coi đánh tơ-nít mỗi người hết một đồng, còn coi đá banh mỗi người hết năm cắc (5 hào). Tuy đánh tơ-nít thu tiền vô cửa mắc, mà thiên hạ đi coi cũng đầy sân. Tiếc vì hai người đấu với nhau mới có hai sét, mỗi người ăn một sét rồi một người chịu thua, thành ra không có tranh kịch liệt, nên không thú vị. Còn bữa đá banh thì thiên hạ lớp ngồi, lớp đứng, giàn nào cũng đầy nhóc. Chiến tướng rập đá, ban đầu hai bên hăng hái, nhưng mà cách chơi còn hòa nhã. Cách 10 phút đồng hồ, chiến tướng Nam Vang ăn được một bàn, chiến tướng Nam Kỳ quyết gỡ, nên nỗ lực công kích dữ dội. Bên Nam Vang ráng thủ thắng, thành ra xung đột. Chiến tướng đá banh mà coi thể không cần trái banh nữa, người này lừa đá ống quyển người kia, người kia kiếm thể đá trong ngực người nọ. Vì sức lực yếu, lại luyện tập ít, nên đá mới nửa cuộc rồi bên nào cũng hết, người thì đưa chân đá gió, kẻ thì không chạy theo banh, làm cho khán giả la rùm, biểu trả tiền lại“. (Lời thề trước miếu, 1935.) (Đoạn này trích trong „Ở theo thời“, 1935. BBT-HBC)

Rồi vào trường đua ngựa: „Khi ra gần tới trường đua thì gặp xe hơi, xe ngựa, xe máy chật đường, rồi tới cửa thì thấy thiên hạ chen nhau mua giấy mà vô nườm nượp. Trong số người đi coi đây, phần đông là An-nam, chẳng những là đông bên hạng 0đ,25 đứng ngoài trời mà thôi, mà bên hạng 1đ,10 ngồi trên khán đài, An-nam cũng đông thập phần, lại đờn bà số gần phân nửa. Khi mới vô, thầy Phát tưởng thiên hạ vì muốn coi ngựa chạy đua nên chịu tốn tiền đến coi chơi cũng như coi hát, hay là coi đá banh. Té ra ngồi một lát, thầy dòm coi thiên hạ bàn bàn luận luận, đi coi ngựa, hỏi tên nài, rồi chen nhau mua giấy, kẻ con ngựa số 1 năm mười đồng, người cá con ngựa số khác năm ba chục, có người lại dám cá tới năm ba trăm, đờn bà cũng mua giấy cá bạc chục như đờn ông, người cá về nhất, người cá về nhì, về ba, kẻ khen ngựa hồng hôm dượt chạy hay, kẻ chê ngựa đậm bị chở nặng. Chừng ngựa về tới mức, người trúng thì vỗ tay nhảy nhót, chạy đi lãnh tiền, còn kẻ thua thì mặt mày buồn hiu, lấy chương trình ra ngồi tính coi độ kẻ phải đánh con nào mà gỡ“. (Lời thề trước miếu, 1935.) (Đoạn này trích trong „Ở theo thời“, 1935. BBT)

Riêng hoạt động văn hóa - văn nghệ của vùng đất này thì bao giờ cũng rình rang. Theo gót nhà văn mới hay rằng nghệ thuật cải lương đã được dành vị trí quan trọng là Nhà hát Thành phố từ 70 năm trước: „Ăn cơm rồi, hai người dắt nhau đi. Tuy đã nhất định đi coi vườn thú rồi về, song xuống tới đó coi cùng vườn rồi, Ba Sang theo nài nữ hoài, ông Cử phải đi ra đường Catinat (đường Đồng Khởi - người viết) đến trước rạp hát Tây (Nhà hát Thành phố - người viết), thấy có một cái băng trống, hai người mới ngồi lại mà nghỉ chơn.

Cách một lát, một đứa trẻ ở dưới mé sông đi lên, tay lắc chuông leng keng, vai vác một tấm băng đồ lỏi. Đi tới cái băng chỗ ông Cử và Ba Sang ngồi, đứa nhỏ ấy dựng tấm băng một bên, rồi ngồi gần Ba Sang mà nghỉ chơn. Ba Sang không biết chữ, không hiểu tờ giấy đồ dán trên tấm băng ấy nói chuyện gì, kêu vỗ vai thằng nhỏ mà hỏi: „Em rao bán giống gì vậy em?“

Thằng nhỏ cười đáp: „Trời ơi! Anh này quê quá! Băng rao hát cải lương, chớ băng giống gì! Anh không thấy hình đó sao? Hình đó là hình cô đào nhứt trong gánh, tối nay thủ vai Bàng Quý Phi cụp lẩm“.

Ba Sang với lấy tấm băng, cầm coi cái hình, khen cô đào xinh đẹp, rồi kêu ông Cử mượn đọc, coi những hàng chữ in trên đó nói cái giống gì vậy“. (Ông Cử, 1936)

Vốn là chốn phồn hoa đô thị, bên cạnh một Sài Gòn năng động làm ăn còn có một Sài Gòn sắc sỡ đèn màu với những lối ăn chơi xa xỉ đủ điệu. Bạn đừng tưởng làm rằng ngày xưa chỉ có ở Hà Thành mới có hát ả đào. Thời ấy, ở Sài Gòn cũng đã có nhà hàng „ôm“ rồi: „Xe chạy chậm chậm, thầy Phát ngó vô mấy quán nem, thì quán nào khách khứa cũng đông nức song khách dạm từng bàn mà ngồi, mà bàn nào cũng có đờn bà và cười giỡn om sòm. Thầy Tài biểu sớp-phơ ghé xe ngay cái quán lớn hơn hết, rồi dắt vợ và em lại ngồi một cái bàn để ngoài sân, kêu bồi đem nem ăn. Cái bàn ngang phía bên kia thì có ba người ngồi: một người trai trạc chừng 24-25 tuổi, mặt dôi phấn trắng nõn, đầu xức dầu rồi chải tóc láng lẩy, mình mặc một bộ đồ ga-bác-đen xám, chơn mang một đôi giày nửa trắng nửa vàng. Người trai ấy ngồi giữa, hai bên có hai cô cặp kè, một cô mặc quần áo toàn màu đỏ, một cô mặc quần áo toàn màu xanh, áo thì vắn chũn, lai tay và trôn có giún tai bèo, cô nào cũng dôi phấn mặt trắng toát, má ửng hồng, môi đỏ lòm, mày nhỏ rức. Thầy Phát tuy ngồi ăn nem mà mắt liếc qua cái bàn đó, thì thấy hai cô cứ giỡn hớt với cậu, nói nói cười cười, rồi lại ôm mặt mà hun, không kể ai hết. Ăn uống rồi, cậu móc bóp ra trả tiền, hai tay cặp hai cô, vác mặt hân hoan, bước lên xe hơi mà đi“. (Lời thề trước miếu, 1935). (Đoạn này trích trong „Ở theo thời“. BBT )

Có đọc lại những trang viết của Hồ Biểu Chánh mới hiểu thêm được lịch sử cũng như những điều hay, cái dở trong đời sống xã hội của Sài Gòn xưa. Trên đây mới chỉ là vài „trích đoạn lẻ tẻ“. Không tin, đọc giả cứ tìm đọc tác phẩm của ông để thấy nhiều điều chí lý hơn nữa.

3/2008 - Nguồn: <http://vantuyen.net/>